

Bản án số: 17/2023/HS-PT

Ngày 24 - 5 - 2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ma Ngọc Trung.

Các Thẩm phán: Ông Ma Hồng Thắng và bà Nguyễn T Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:
Bà Đậu Thị Tuyết Hảo - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 16/2023/TLPT-HS ngày 20 tháng 3 năm 2023 đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Triệu Văn H, Lộc Văn Th do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 03/2023/HS-ST ngày 09 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

** Các bị cáo có kháng cáo:*

1. NGUYỄN VĂN T (Tên gọi khác: Không); sinh ngày 10/10/1970 tại tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Thôn B, xã Y, huyện N, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Công chức; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ chính quyền: Chủ tịch Hội Nông dân xã Y, huyện N, tỉnh Tuyên Quang (Ngày 31/10/2022 UBND huyện N đã ban hành Quyết định số 2975/QĐ-UBND về việc thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ đang bị tạm giam, tạm đình chỉ công tác đối với Nguyễn Văn T); đại biểu Hội đồng nhân dân xã Y khoá XXII, nhiệm kỳ 2021-2026 (Ngày 22/3/2022 Hội đồng nhân dân xã Y, huyện N đã ban hành Quyết định số 04 về việc tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đại biểu Hội đồng nhân dân); chức vụ đảng, đoàn thể: Là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (Ngày 22/3/2022 Ủy ban kiểm tra Huyện uỷ N đã ban hành Quyết định số 27 Đình chỉ sinh hoạt Đảng); con ông Nguyễn Văn Q (Đã chết) và bà Ma Thị Y (Đã chết); có vợ là Hoàng Thị T và 02 con (con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 1993). Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/3/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang (Có mặt).

2. TRIỆU VĂN H (Tên gọi khác: Không); sinh ngày: 04/4/1983 tại tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Thôn V, xã Y, huyện N, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Công chức; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ chính quyền: Công chức văn phòng, thống kê UBND xã Y, huyện N; đại biểu Hội đồng nhân dân xã Y khoá XXII, nhiệm kỳ 2021-2026 (*Ngày 22/3/2022 Hội đồng nhân dân xã Y, huyện N đã ban hành Quyết định số 05 về việc tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đại biểu Hội đồng nhân dân; ngày 24/3/2022, UBND huyện N ban hành Quyết định số 546/QĐ-UBND tạm đình chỉ công tác đối với Triệu Văn H*); chức vụ đảng, đoàn thể: Là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (*Ngày 22/3/2022 Ủy ban kiểm tra Huyện ủy N đã ban hành Quyết định số 28 Đình chỉ sinh hoạt Đảng đối với Triệu Văn H*); con ông Triệu Văn V, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1963; có vợ: Lộc Thị V, sinh năm 1983 và 02 con (con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2014). Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/3/2022 đến ngày 29/8/2022 được thay thế bằng biện pháp Bảo lãnh. Hiện nay đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (*Có mặt*).

3. LỘC VĂN TH (Tên gọi khác: Không); Sinh ngày: 21/11/1988 tại tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Thôn T, xã Y, huyện N, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Nhân viên hợp đồng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ chính quyền: Nhân viên hợp đồng công tác văn phòng tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Y, huyện N; chức vụ đảng, đoàn thể: Là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, sinh hoạt tại Chi bộ thôn T, xã Y, huyện N, tỉnh Tuyên Quang (*Ngày 13/9/2022 Ủy ban kiểm tra Huyện ủy N đã ban hành Quyết định số 45 đình chỉ sinh hoạt Đảng đối với Lộc Văn Th*); con ông Lộc Văn P (đã chết) và bà Bê Thị T, sinh năm 1958; có vợ: Chu Thị H, sinh năm 1988 và 02 con (con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2021). Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (*Có mặt*).

- *Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T: Ông Đàm Quốc Cường* - Luật sư Công ty luật TNHH Quốc Cường, Đoàn Luật sư tỉnh Tuyên Quang (*Có mặt*).

- *Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Văn T và Triệu Văn H theo diện trợ giúp pháp lý: Ông Nguyễn Văn Thăng* – Trợ giúp viên Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tuyên Quang (*Có mặt*).

- *Người bào chữa cho bị cáo Lộc Văn Th theo diện trợ giúp pháp lý: Ông Hoàng Văn Vũ* - Trợ giúp viên Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tuyên Quang (*Có mặt*).

* *Bị hại: Ủy ban nhân dân xã Y, huyện N, tỉnh Tuyên Quang.*

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị H – Chủ tịch UBND xã.
(*Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*).

Người đại diện theo Ủy quyền: Ông Ma Đại D – Phó Chủ tịch UBND xã.
(*Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lộc Văn G;

2. Ông Ma Văn G;

3. Ông Ma Đại D;

4. Ông Dương Văn N;

5. Ông Vi Văn H;

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện N, tỉnh Tuyên Quang;

6. Ông Hoàng Văn U;

Địa chỉ: Thôn K, xã Y, huyện N, tỉnh Tuyên Quang;

7. Ông Ma Doãn H;

8. Ông Hoàng Văn T;

9. Ông Nguyễn Văn T;

10. Ông Hoàng Văn G;

11. Bà Hoàng Thị C;

12. Bà Cao Thị H;

13. Bà Hoàng Thị T;

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã Y, huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

14. Ông Hoàng Văn C;

15. Ông Sầm Văn H;

16. Ông Hoàng Văn C;

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã Y, huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

17. Ông Lý Văn G;

18. Ông Lộc Văn T3;

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã Y, huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

19. Bà Nguyễn Thị N;

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

20. Đảng ủy xã Y - đại diện là ông Nguyễn Văn H, Bí thư đảng ủy xã;

21. Hội đồng nhân dân xã Y - đại diện là ông Nguyễn Văn H, Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã;

22. Công đoàn xã Y - đại diện là ông Ma Đại D, Chủ tịch công đoàn xã.

Bà Hoàng Thị T có mặt, những người có quyền lợi liên quan khác đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2010 đến tháng 5/2021, Nguyễn Văn T được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Y, huyện N. Trong thời gian giữ chức vụ Chủ tịch UBND xã, Nguyễn Văn T đã chỉ đạo tổ chức kinh doanh chợ trung tâm xã Y, huyện N (Sau đây gọi là Chợ xã Y) thu, chi tiền cho thuê ô chợ, gây thất thoát cho ngân sách UBND xã Y, cụ thể:

*** Giai đoạn năm 2013 đến năm 2016:**

Chợ xã Y được xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu do Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Tuyên Quang làm chủ đầu tư. Đến tháng 12/2012, chợ được xây dựng xong và bàn giao cho UBND xã Y, huyện N quản lý và tổ chức hoạt động kinh doanh.

Sau khi nhận bàn giao chợ, Nguyễn Văn T đã chỉ đạo công chức xã Y thông báo đến người dân đăng ký vào bán hàng trong các ô chợ; nhận thấy số lượng hộ kinh doanh đăng ký vượt số lượng ô chợ hiện có nên T đã đề ra chủ trương mở thêm các ô chợ bằng cách dựng cột gỗ, lợp mái Fibroximăng thành mái hiên xung quanh hai dãy nhà đình chính của Chợ rồi chia thêm các ô chợ dưới diện tích mái hiên này cho người dân thuê để kinh doanh. Về chủ trương mở thêm các ô chợ và thu tiền cho thuê ô chợ đã được đưa ra họp bàn tại một số cuộc họp của Ban Thường vụ Đảng ủy xã Y và được nhất trí thông qua.

Ngày 15/4/2013, T ký ban hành Quyết định số 31/QĐ-UBND, về việc kiện toàn Ban quản lý Chợ xã Y, do T làm Trưởng ban và các thành viên là công chức UBND xã Y gồm: Triệu Văn H (Công chức văn phòng, thống kê kiêm Thủ quỹ); Lộc Văn M (Công chức Kế toán); Lộc Văn Th (Phó Chỉ huy trưởng quân sự xã); Hoàng Văn C (Trưởng Công an xã Y) và Hoàng Văn G (Chi hội trưởng chi hội Cựu chiến binh thôn B, xã Y).

Việc làm thêm ô chợ và thành lập Ban quản lý chợ, T không ban hành văn bản xin ý kiến chỉ đạo của UBND huyện N.

T chỉ đạo các thành viên Ban quản lý chợ kẻ chia ô chợ và cho các hộ kinh doanh ký hợp đồng thuê ô chợ với UBND xã Y. Thu tiền thuê ô chợ trong thời hạn 04 năm với mức thu từ 1.500.000 đồng đến 4.000.000 đồng/1 ô chợ, tùy từng loại ngành hàng và vị trí gian hàng. Quá trình thực hiện Lộc Văn M được giao lập phiếu thu, phiếu chi các khoản tiền từ cho thuê ô chợ; Triệu Văn H được giao thu, quản lý tiền và chi theo sự chỉ đạo của T. Việc quản lý, thu, chi nguồn tiền này không được thực hiện đúng quy định của Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn có liên quan mà để ngoài sổ sách kế toán ngân sách UBND xã Y.

Tổng số tiền thu được trong năm 2013 từ cho thuê ô chợ là **424.000.000 đồng** (trong đó có 2.500.000 đồng là tiền thanh lý Chợ cũ). Từ năm 2013 đến năm 2016, T đã chỉ đạo M và H chi số tiền nêu trên vào nhiều nội dung khác nhau, trong đó:

- Chi cho hoạt động làm thêm ô chợ, sửa chữa chợ, phục vụ hoạt động của chợ và các hoạt động của UBND xã Y:

- + Chi các hoạt động của chợ (làm thêm ô chợ, xây nhà Ban quản lý chợ, mua xe chở rác, chi tiền nước sinh hoạt chợ, vệ sinh chợ, tiền điện: 222.322.300 đồng;
- + Làm biển hiệu các điểm trường mầm non trên địa bàn xã: 4.200.000 đồng;
- + Mua máy lọc nước: 4.250.000 đồng;
- + Mua kết sắt: 4.500.000 đồng;
- + Chi sửa chữa trụ sở xã: 9.300.000 đồng;
- + Chi san ủi mặt bằng sân vận động xã: 50.000.000 đồng;
- + Đảng bộ xã Y tạm ứng tiền để soạn thảo cuốn Biên niên lịch sử đảng bộ xã Y: 26.000.000 đồng.
- + Mua ghế cho nhà văn hóa xã: 13.500.000 đồng;
- + Chi đóng thang sân khấu sân vận động: 2.400.000 đồng;
- + Chi lắp đặt phòng một cửa UBND xã: 2.350.000đ;
- + Chi sửa bàn ghế UBND xã: 3.800.000 đồng;
- + Chi làm cổng UBND xã: 5.000.000 đồng.

- Chi không đúng mục đích vào hoạt động chợ và hoạt động của UBND xã Y:

- + Mời cơm lãnh đạo các xã dự khai mạc chợ năm 2013: 2.400.000 đồng;
- + Chi cho tập thể cán bộ, công chức của Đảng ủy, HĐND, UBND xã Y thăm quan, du lịch dịp ngày 30/4, 01/5/2014: 63.200.000 đồng.

- Tồn quỹ: 11.517.700 đồng.

*** Giai đoạn từ năm 2017 đến năm 2019:**

Ngày 28/6/2017, bị cáo Nguyễn Văn T ký ban hành Quyết định số 31/QĐ-UBND của UBND xã Y về việc kiện toàn Ban quản lý chợ Y, do ông Hoàng Văn U (Phó Chủ tịch UBND xã Y) là Trưởng ban; các thành viên gồm: Lộc Văn Th, Nghinh Văn H - Phó Trưởng Công an xã; Lộc Văn Th (Kế toán hợp đồng Ban phát triển dự án hỗ trợ nông nghiệp, nông dân và nông thôn xã Y, được giao làm Kế toán Ban quản lý chợ) và Vi Văn H (Nhân viên hợp đồng địa chính UBND xã Y). T chỉ đạo Thuận, H và Tổ cho các hộ kinh doanh trong chợ ký hợp đồng thuê ô chợ trong thời hạn 05 năm, với mức tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/01 ô chợ, tùy từng loại ngành hàng và vị trí gian hàng; Thuận lập phiếu thu dựa trên đơn đăng ký thuê ô chợ và chuyển cho Triệu Văn H, Lộc Văn Th đi thu tiền. Tổng số tiền cho thuê ô chợ năm 2017 thu được là **405.000.000 đồng**. Việc quản lý, thu, chi nguồn tiền này cũng không được thực hiện đúng quy định, để ngoài sổ sách kế toán ngân sách UBND xã Y, trong đó có **khả chi không đúng mục đích cho hoạt động chợ và UBND xã: 50.000.000 đồng** (chi cho một số cán bộ, công chức của đảng ủy, HĐND, UBND xã Y thăm quan học tập nhân dịp ngày 30/4; 01/5/2018)

Từ năm 2017 đến năm 2019, T đã chỉ đạo Th và H chi số tiền nêu trên vào các nội dung như sau:

- Chi các hoạt động của chợ xã Y: 338.214.326 đồng, gồm:

+ Chi cho 02 hợp đồng mua bán hàng hoá số 01; 02 lập ngày 26/4/2017 của UBND xã Y để dựng ô chợ (sắt, tấm lợp mái, vít): 150.603.000 đồng;

+ Chi cho 02 hợp đồng giao khoán số 03; 04 lập ngày 03/5/2017 và 05/7/2022 của UBND xã Y đối với hoạt động thay cột, khung sắt chống rỉ, lợp mái tôn chợ trung tâm xã Y và các công trình khác của chợ như làm cổng, dọn dẹp đào đất, đổ bê tông khu chợ (thép, tấm lợp mái, vít tôn, nhân công, que hàn, sơn chống rỉ, bê tông chôn cột, điện, gạch, cát, sỏi, xi măng...): 140.268.000 đồng;

+ Chi thù lao cho Ban quản lý xây dựng chợ: 8.522.326 đồng;

+ Chi thuê vệ sinh, điện, nước, mua sơn, chổi, chuyển chợ tạm và các nội dung chi sửa chữa nhỏ khác: 38.821.000 đồng.

- Chi không đúng mục đích cho hoạt động chợ và UBND xã: 50.000.000 đồng (chi cho một số cán bộ, công chức của đảng ủy, HĐND, UBND xã Y thăm quan học tập nhân dịp ngày 30/4; 01/5/2018. Trước kỳ nghỉ ngày 30/4; 01/5/2018 các cán bộ công chức công tác tại đảng ủy, HĐND, UBND xã Y bàn và thống nhất đi thăm quan du lịch. Kỳ nghỉ này T không đi. Trước khi đi H gọi điện thoại xin ý kiến T thì T chỉ đạo H cầm 50.000.000 đồng tiền quỹ chợ đi thăm quan du lịch. Sau khi đi thăm quan về bị cáo T chỉ đạo Thuận lập phiếu chi khoản chi này. Thuận lập phiếu chi rồi đưa cho H.

- Tồn quỹ: 16.785.674 đồng.

Ngoài ra bị cáo Nguyễn Văn T còn có hành vi lợi dụng chức vụ quyền hạn, cùng với Nguyễn Trọng T2 (*là người thi công sửa chữa Chợ trung tâm xã Y*) kê nâng giá số tiền mua vật liệu dùng thi công xây dựng các ô chợ Y để lấy thêm tiền công thi công trừ tiền T đang nợ T2 gây thiệt hại 36.111.960 đồng (trong đó T hưởng lợi 20.000.000 đồng; T2 hưởng lợi 16.111.960 đồng).

Trong năm 2017, Lộc Văn T3 được T chỉ đạo thu tiền thuê ô chợ của một số hộ kinh doanh, trong đó có tiền thuê ô chợ của bà Nguyễn Thị N là 3.000.000 đồng. Số tiền này không được lập phiếu thu. T bảo T3 đưa số tiền này để làm kinh phí đi họp. Sau này, không sử dụng để đi họp mà sử dụng số tiền này cùng tiền cá nhân của T để xây đoạn kè ngăn nước chảy từ sân vận động xã Y xuống đường đoạn trước cổng Chợ gần với nhà ở của T.

Năm 2019, bà Cao Thị H đến gặp T xin thuê 03 ô tại chợ xã Y, T đã đồng ý cho thuê với giá tiền 9.000.000 đồng/03 ô chợ. T thống nhất với bà H sẽ lấy 9.000.000 đồng trong số tiền T đang nợ bà H để nộp vào quỹ Chợ, tuy nhiên T đã không nộp tiền vào quỹ của Chợ. Đến ngày 20/10/2021, khi Cơ quan điều tra đang xác minh tố giác về tội phạm, T đưa cho Triệu Văn H 9.000.000 đồng để nhập vào quỹ Chợ, tuy nhiên H không nhập quỹ chợ mà sau đó giao nộp số tiền này cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N.

Ngoài ra, trong năm 2018 Nguyễn Văn T cho ông Nguyễn Đức M thuê ngôi nhà của Ban quản lý chợ để kinh doanh với số tiền thuê là 5.000.000 đồng/ năm. Năm 2018, UBND xã Y tiến hành thi công xây dựng nhà làm việc của Công an xã Y. Ông Hoàng Văn U được giao phụ trách thi công công trình đã mua gạch lát nền của bà Dương Thị L, địa chỉ thôn B, xã Y, huyện N, nhưng chưa T toán. Đến năm 2020, ông Út đề nghị với UBND xã về việc lấy tiền T toán tiền gạch còn nợ cho bà L và được Nguyễn Văn T chỉ đạo xuống gặp ông Nguyễn Đức M thu tiền thuê nhà Ban quản lý của năm 2019 để lấy tiền T toán tiền mua gạch nên ông U đã gặp ông M thu 5.000.000 đồng và mang đi T toán tiền cho bà Dương Thị L. Số tiền này trong quá trình thu ông U không thông báo cho kế toán lập phiếu thu và cũng không kê khai vào sổ quỹ tiền mặt của Chợ. T không được hưởng lợi từ khoản tiền này.

Kết quả định giá tài sản và trưng cầu giám định:

Ngày 13/10/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N phối hợp với các cơ quan chức năng tiến hành khám nghiệm hiện trường: Thống kê, đo đếm số lượng các cột, xà kim loại và diện tích mái lợp bằng tôn toàn bộ khu vực các ô Chợ xã Y đã được UBND xã Y thi công coi nới thay thế bằng khung kim loại và lợp mái tôn vào năm 2017, kết quả xác định:

- Tổng diện tích mái tôn được thi công, coi nới là 1.315,96m²;
- Số lượng cột sắt (*loại cột rỗng*) kích thước $\Phi 113,5\text{mm}$, dày 1,4mm là 65 cột = 289,6m;
- Số lượng sắt hộp loại kích thước (40x80x1,1)mm là 47 T = 282m;
- Số lượng sắt hộp loại kích thước (30x60x1,1)mm là 205 T = 1.230m;
- Số đinh vít dùng cố định các tấm tôn vào khung vì kèo tổng cộng là 650 chiếc.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 04/KLĐG-HĐĐGTSTTHS ngày 07/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện N xác định: giá trị tài sản công trình lắp đặt mới (cột sắt, đinh vít, tôn lợp, nhân công) tại Chợ xã Y vào tháng 5 năm 2017 có tổng giá trị là 182.345.391 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã tạm giữ toàn bộ phiếu thu, phiếu chi, hợp đồng mua bán hàng hóa, hợp đồng giao khoán; các Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng mua bán hàng hóa, Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng giao khoán liên quan đến Chợ xã Y, huyện N; thủ tục quyết toán kinh phí biên soạn cuốn Biên niên lịch sử Đảng bộ xã Y đối các doanh nghiệp có liên quan; Hợp đồng kinh tế; Biên bản thanh lý hợp đồng; Biên bản giao nhận hàng hóa, lập giữa UBND xã Y với Công ty cổ phần dịch vụ cơ khí môi trường Đông Sơn (*mua xe chở rác*) và 01 Quyền sở ghi chép bìa màu đỏ của Triệu Văn H (*ghi chép các nội dung chi tiền, có chữ ký của Nguyễn Trọng T2*) để tiến hành giám định chữ ký, chữ viết, hình dấu.

Kết quả giám định:

Tại kết luận giám định số: 1011/GĐ-KTHS ngày 07/12/2021 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận:

- Hình dấu tròn đỏ nội dung “U.B.N.D XÃ Y H. N T. TUYÊN QUANG trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3, A4, A5 với hình dấu tròn đỏ nội dung “U.B.N.D XÃ Y H. N T. TUYÊN QUANG” trên mẫu so sánh ký hiệu M1 là do cùng một con dấu in ra.

- Chữ ký đứng tên Nguyễn Văn T trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3, A4, A5 với chữ ký đứng tên Nguyễn Văn T trên mẫu so sánh ký hiệu M2 là do cùng một người ký.

- Chữ ký đứng tên Triệu Văn H trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 với chữ ký đứng tên Triệu Văn H trên mẫu so sánh ký hiệu M3 là do cùng một người ký.

- Chữ ký đứng tên Lộc Văn M trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 với chữ ký đứng tên Lộc Văn M trên mẫu so sánh ký hiệu M4 là do một người ký.

- Chữ ký đứng tên Lộc Văn Th trên mẫu cần giám định ký hiệu A2, A4 với chữ ký đứng tên Lộc Văn Th trên mẫu so sánh ký hiệu M5 là do một người ký.

- Chữ ký đứng tên Nguyễn Văn T (*Nguyễn Trọng T2*) trên mẫu cần giám định ký hiệu A3 với chữ ký đứng tên Nguyễn Trọng T2 trên mẫu so sánh ký hiệu M6 là do một người ký.

- Chữ ký đứng tên Nguyễn Trọng H trên mẫu cần giám định ký hiệu A3 với chữ ký đứng tên Nguyễn Trọng H trên mẫu so sánh ký hiệu M7 là do một người ký.

- Chữ ký đứng tên Trần Thị H trên mẫu cần giám định ký hiệu A3 với chữ ký đứng tên Trần Thị H trên mẫu so sánh ký hiệu M8 là do một người ký.

- Chữ ký đứng tên Triệu Thị T trên mẫu cần giám định ký hiệu A5 với chữ ký đứng tên Triệu Thị T trên mẫu so sánh ký hiệu M9 là do một người ký.

- Các chữ viết, chữ số tại các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3, A4, A5 không có dấu hiệu bị tẩy xóa, sửa chữa.

Tại kết luận giám định số 666/KL-KTHS ngày 26/6/2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận:

- Hình dấu tròn nội dung “ĐẢNG ỦY XÃ Y” trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 với hình dấu tròn nội dung “ĐẢNG ỦY XÃ Y” trên mẫu so sánh ký hiệu M1 là do cùng một con dấu đóng ra;

- Hình dấu tròn nội dung “CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN IN VŨ LIÊN” trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 với hình dấu tròn nội dung “CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN IN VŨ LIÊN” trên mẫu so sánh ký hiệu M2 không phải do cùng một con dấu đóng ra;

- Chữ ký đứng tên Lộc Văn G trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 với chữ ký đứng tên Lộc Văn G trên mẫu so sánh ký hiệu M3 là do cùng một người ký;

- Chữ ký đứng tên Vũ Thị L trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 với chữ ký đứng tên Vũ Thị L trên mẫu so sánh ký hiệu M2 là do cùng một người ký;

- Chữ ký đứng tên Đỗ Đức V trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 với chữ ký đứng tên Đỗ Đức V trên mẫu so sánh ký hiệu M4 là do cùng một người ký;

- Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Đào Việt D trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 với chữ ký đứng tên Đào Việt D trên mẫu so sánh ký hiệu M5 có phải do cùng một người ký hay không.

Tại kết luận giám định số 872/KL-KTHS ngày 29/7/2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận:

- Hình dấu tròn nội dung “CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN IN VŨ LIÊN” trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 với hình dấu tròn nội dung “CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN IN VŨ LIÊN” trên mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 do cùng một con dấu đóng ra;

Tại kết luận giám định số 870/KL-KTHS, ngày 30/7/2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận:

- Hình dấu tròn nội dung “H.SÓC SƠN - TP.HÀ NỘI * S.Đ.K.K.D: 0104820374-C.T.C.P * CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CƠ KHÍ MÔI TRƯỜNG ĐÔNG SƠN” trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 với hình dấu tròn nội dung “H.SÓC SƠN - TP.HÀ NỘI * S.Đ.K.K.D: 0104820374-C.T.C.P * CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CƠ KHÍ MÔI TRƯỜNG ĐÔNG SƠN” trên mẫu so sánh ký hiệu M1 là do cùng một con dấu đóng ra ;

- Chữ ký đứng tên Nguyễn Xuân H trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 với chữ ký đứng tên Nguyễn Xuân H trên mẫu so sánh ký hiệu M1 là do cùng một người ký.

- Hình dấu tròn nội dung “U.B.N.D XÃ Y H. N T. TUYÊN QUANG” trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 với hình dấu tròn nội dung “U.B.N.D XÃ Y H. N T. TUYÊN QUANG” trên mẫu so sánh ký hiệu M2 là do cùng một con dấu đóng ra.

- Chữ ký đứng tên Nguyễn Văn T trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 với chữ ký đứng tên Nguyễn Văn T trên mẫu so sánh ký hiệu M3 là do cùng một người ký.

Tại kết luận giám định số 909/KL-KTHS ngày 30/7/2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận:

- Chữ ký đứng tên Nguyễn Văn T trên tờ số 87 và 89 của mẫu cần giám định ký hiệu A1 với chữ ký đứng tên Nguyễn Trọng T2 trên mẫu so sánh ký hiệu M1 là do cùng một người ký.

- Chữ viết phần nội dung trên tờ số 87 và 89 của mẫu cần giám định ký hiệu A1 (trừ các chữ ký, chữ viết ghi tên Nguyễn Văn T, M Đình B, Vi Văn H, Lộc Văn M và chữ viết “Đã nhận đủ số tiền 54.350.00đ người nhận”) với chữ viết đứng tên Triệu Văn H trên mẫu so sánh ký hiệu M2 là do cùng một người viết.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2023/HS-ST ngày 09 tháng 02 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Tuyên Quang đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Triệu Văn H và Lộc Văn Th phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

+ Áp dụng: Điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 356; Điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 41; Điều 54 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 03 (Ba) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (Ngày 22/3/2022). Cấm bị cáo đảm nhiệm chức nhất định trong thời hạn 03 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

+ Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 356; điểm b, điểm v, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Triệu Văn H 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Trừ cho bị cáo thời gian bị bắt tạm giam từ ngày 22/3/2022 đến ngày 29/8/2022.

+ Áp dụng khoản 1, khoản 4 Điều 356; đoạn 1 điểm s điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 41; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Lộc Văn Th 01 (Một) năm tù cho hưởng án treo, thử thách 02 (Hai) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện N, tỉnh Tuyên Quang quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ Kế toán trong thời hạn 03 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo đã bị kiểm điểm theo quy định tại Điều 91 của Luật Thi hành án Hình sự nhưng sau khi kiểm điểm vẫn tiếp tục vi phạm và đã được nhắc nhở bằng văn bản mà vẫn cố ý vi phạm thì có thể bị Tòa án buộc phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Ngày 20/02/2023, bị cáo Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo với nội dung: Xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Triệu Văn H có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị tuyên bố bị cáo không phạm tội. Ngày 24/02/2023, bị cáo Lộc Văn Th có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị xem xét bị cáo không có tội.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện bị hại trình bày ý kiến trong đơn xin xét xử vắng mặt: Giữ nguyên quan điểm đã trình bày trong giai đoạn điều tra, xét xử sơ thẩm, xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Đảm bảo đúng pháp luật; đơn kháng cáo của các bị cáo là hợp lệ trong hạn luật định.

Về nội dung kháng cáo: Tại cấp phúc thẩm bị cáo Nguyễn Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xuất trình thêm 01 bằng khen, 01 kỷ niệm chương của bị cáo và 01 chứng nhận huy chương kháng chiến của ông Nguyễn Văn X là bố bị cáo, tuy nhiên xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo phạm tội 02 lần trở lên gây thiệt hại 163.000.000 đồng, cấp sơ thẩm quy kết bị cáo theo điểm b khoản 2 Điều 356 Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo mức án dưới khung hình phạt là phù hợp tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, vì vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Đối với các bị cáo Triệu Văn H và Lộc Văn Th kháng cáo kêu oan, đề nghị tuyên các bị cáo không có tội. Căn cứ vào các biên bản lời khai, bản cung bị can; lời khai người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng, biên bản làm việc, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ xác định hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan, ngoài ra các bị cáo không xuất trình được chứng cứ mới chứng minh cho nội dung kháng cáo, vì vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn T, Triệu Văn H và Lộc Văn Th, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 03/2023/HS-ST ngày 09 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện N về phần hình phạt đối với các bị cáo.

Luật sư Đàm Quốc Cường trình bày luận cứ bào chữa: Bị cáo Nguyễn Văn T không phạm tội theo điểm b khoản 2 Điều 356 Bộ luật Hình sự vì hành vi vi phạm của bị cáo T là kéo dài, liên tục từ năm 2013 đến năm 2019.

Về khoản tiền chi ăn cơm tiếp khách (Lãnh đạo các xã lân cận xã Y) năm 2013: Bị cáo T không vụ lợi cá nhân. Các lãnh đạo các xã tham dự khai mạc chợ sẽ thông tin, tuyên truyền, quảng bá về chợ Y để nhân dân các xã biết ở xã Y có chợ, từ đó việc kinh doanh, phát triển chợ được tốt do đó bị cáo T không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền 2.400.000 đồng.

Bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định ở khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Bồi thường toàn bộ thiệt hại; Thành khẩn khai báo; Ăn năn hối cải; Có thành tích xuất sắc trong công tác. Có tình tiết giảm nhẹ quy định ở khoản 2 là đại diện UBND xã Y xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử bị cáo ở khởi điểm khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Trợ giúp viên Nguyễn Văn T bào chữa cho bị cáo T nhất trí quan điểm bào chữa của Luật sư Cường.

Về khoản tiền 2.400.000 đồng chi tiếp khách. UBND xã Y mời khách thì có trách nhiệm tiếp khách. Nên khoản tiền này UBND xã Y phải lấy tiền từ nguồn tiền ngân sách xã trả cho quỹ chợ.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo H không phạm tội. Đề nghị Hội đồng xét xử xử bị cáo T như luật sư Cường đề nghị.

Trợ giúp viên Hoàng Văn Vũ bào chữa cho bị cáo Lộc Văn Th trình bày luận cứ bào chữa: Bị cáo Lộc Văn Th không có chức vụ. Khoản tiền 50.000.000 đồng đoàn người đi thăm quan, du lịch đã chi tiêu xong từ trước. Trước khi được bị cáo T gọi lên để lập phiếu chi thì T không biết có đoàn cán bộ xã đi thăm quan, du lịch. Hành vi của bị cáo không giúp sức cho bị cáo T, bị cáo H vì không lập phiếu chi thì các bị cáo đã lấy được tiền và chi tiêu hết.

Các bị cáo nói lời sau cùng, bị cáo T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, các bị cáo Lộc Văn Th và Triệu Văn H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về tội danh của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục kháng cáo của các bị cáo là hợp lệ, đúng pháp luật; trình tự, thủ tục giải quyết vụ án của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là đúng quy định.

[2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn T tiếp tục thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Từ năm 2013 đến năm 2019, Nguyễn Văn T - giữ chức vụ Chủ tịch UBND xã Y, huyện N, sau khi xây dựng xong và được UBND huyện N bàn giao các nhà đình và cơ sở vật chất chợ Y cho UBND xã Y quản lý, bị cáo T không thực hiện các thủ tục đề nghị UBND huyện N thành lập ban quản lý chợ theo quy định, bị cáo tự ban hành quyết định kiện toàn ban quản lý chợ Y, trong đó bị cáo làm trưởng ban quản lý chợ, từ đó đã nhiều lần có hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái công vụ, gây thiệt hại đến ngân sách của UBND xã Y như: Chỉ đạo Kế toán, Thủ quỹ UBND xã Y và một số thành viên Ban quản lý chợ xã Y để ngoài sổ sách kế toán ngân sách xã các khoản tiền thu được từ cho thuê ô chợ tại Chợ xã Y, sau đó sử dụng chi trái quy định cho một số H động không thuộc nhiệm vụ chi ngân sách xã được quy định tại Thông tư số 60/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các H động tài chính khác của xã, phường, thị trấn (*sau này được thay thế bằng Thông tư số 344/2016/TT-BTC, ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính*), gây thiệt hại cho Nhà nước, cụ thể:

- Nguyễn Văn T đã chỉ đạo kế toán là Lộc Văn M và thủ quỹ là Triệu Văn H chi các khoản, gồm: Chi tiếp khách dự lễ khánh thành chợ năm 2013 là **2.400.000** đồng; Chi cho tập thể cán bộ, công chức thuộc Đảng ủy, HĐND và UBND xã Y thăm quan, du lịch vào dịp ngày 30/4 và 01/5 năm 2014 là **63.200.000** đồng.

- Nguyễn Văn T đã chỉ đạo thủ quỹ là Triệu Văn H chi cho tập thể cán bộ, công chức thuộc Đảng ủy, HĐND và UBND xã Y thăm quan, du lịch vào dịp 30/4 và 01/5 năm 2018 là **50.000.000** đồng; Kế toán Ban quản lý chợ là Lộc Văn Th đã lập phiếu chi để hoàn thiện việc chi sai.

- Nguyễn Văn T bàn bạc thống nhất với Nguyễn Trọng T2 nâng giá vật liệu mua để sửa chữa, nâng cấp Chợ năm 2017, làm thiệt hại là **36.111.960** đồng.

- Nguyễn Văn T đã chỉ đạo Lộc Văn Th giao cho T 3.000.000 đồng do bà Nguyễn Thị N thuê ô chợ, T không nộp vào quỹ (Không giao cho Triệu Văn H) làm thiệt hại là **3.000.000** đồng.

- Năm 2019, Nguyễn Văn T cho bà Cao Thị H thuê 03 ô chợ (Tính trừ tiền do T nợ bà H) nhưng T không nộp vào quỹ tiền (Không giao cho Triệu Văn H) làm thiệt hại là **9.000.000** đồng.

Tổng 05 lần Nguyễn Văn T gây thiệt hại cho ngân sách UBND xã Y từ năm 2013 đến năm 2019 số tiền là **163.711.960** đồng, trong đó có 03 lần gây thiệt hại trên 10.000.000 đồng.

Triệu Văn H đồng phạm với Nguyễn Văn T đã nhiều lần chi các khoản tiền, gồm: Chi tiếp khách dự lễ khánh thành chợ năm 2013 là: **2.400.000** đồng; chi cho tập thể cán bộ, công chức thuộc Đảng ủy, HĐND và UBND xã Y thăm quan, du lịch vào dịp ngày 30/4, ngày 01/5 năm 2014 là: **63.200.000** đồng và vào dịp ngày 30/4, ngày 01/5 năm 2018 là: **50.000.000** đồng.

Tổng số tiền Triệu Văn H đồng phạm với Nguyễn Văn T gây thiệt hại cho ngân sách UBND xã Y năm 2013, năm 2014 và năm 2018 là **115.600.000** đồng, trong đó có 02 lần gây thiệt hại trên 10.000.000 đồng.

Lộc Văn Th đồng phạm giúp sức cho Nguyễn Văn T, Triệu Văn H trong lập chứng từ cho khoản chi không thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách xã, gây thiệt hại cho ngân sách UBND xã Y **50.000.000** đồng.

[3]. Xét kháng cáo và hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tiếp tục thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Tại cấp phúc thẩm bị cáo Nguyễn Văn T xuất trình thêm 01 bằng khen, 01 kỷ niệm chương của bị cáo, và 01 chứng nhận huy chương kháng chiến của ông Nguyễn Văn X là bố bị cáo, tuy nhiên xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng bị cáo phạm tội 2 lần trở lên thiệt hại gây ra là 163.000.000đ, cấp sơ thẩm quy kết bị cáo theo điểm b khoản 2 điều 356 Bộ luật Hình sự, và tuyên phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khoản 2 điều 356 đối với bị cáo là phù hợp tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và đã thể hiện sự khoan hồng đối với bị cáo, vì vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo.

Đối với các bị cáo Triệu Văn H và Lộc Văn Th kháng cáo kêu oan, đề nghị tuyên các bị cáo không có tội; Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị cáo Triệu Văn H là cán bộ văn phòng UBND xã Y, là người có trình độ, có nhận thức và bản thân bị cáo thừa nhận nhận thức rõ việc Nguyễn Văn T để ngoài sổ sách kế toán ngân sách xã các khoản tiền thu từ việc cho thuê các ô chợ là trái quy định về quản lý ngân sách xã, nhưng khi được phân công bị cáo vẫn làm thủ quỹ cho ban quản lý chợ và thực hiện việc chi các khoản tiền trái quy định theo sự chỉ đạo của bị cáo Nguyễn Văn T. Bị cáo chi các khoản không đúng như chi trái quy định như chi tiếp khách chợ 2.400.000đ; Chi cho cán bộ công chức đi thăm quan du lịch dịp 30/4 - 01/5 năm 2014 là 63.200.000đ; dịp 30/4 - 01/5 năm 2018 là 50.000.000đ.

Mặc dù bị cáo không có sự bàn bạc trước nhưng bị cáo thừa nhận bị cáo nhận thức được việc thu tiền cho thuê các ô chợ và để ngoài sổ sách kế toán ngân sách

xã, sau đó dùng nguồn tiền này chi các khoản không phục vụ cho H động của UBND xã, của ban quản lý chợ xã Y là trái pháp luật, trái nguyên tắc quản lý tài chính kế toán, trái quy định về quản lý thu chi ngân sách cấp xã. Bị cáo Triệu Văn H thừa nhận toàn bộ hành vi chi các khoản tiền nêu trên nhưng cho rằng bị cáo chỉ theo sự chỉ đạo của bị cáo T và không phạm tội.

Mặc dù bị cáo không thừa nhận mình có tội nhưng căn cứ diễn biến hành vi của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng có đủ căn cứ quy kết bị cáo vì vụ lợi nên đã có hành vi giúp sức cho bị cáo Nguyễn Văn T thực hiện hành vi trái công vụ gây thiệt hại cho ngân sách xã Y; Do đó đủ căn cứ xác định hành vi của bị cáo đã cấu thành tội Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ là có căn cứ, đúng pháp luật và không oan sai. Bị cáo phạm tội nhiều lần, đồng phạm với bị cáo T gây thiệt hại 115.600.000 đồng, trong đó có 02 lần gây thiệt hại trên 10.000.000 đồng. Mức hình phạt cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là phù hợp.

Đối với kháng cáo của bị cáo Lộc Văn Th cho rằng bị cáo không phạm tội, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai nhận thức được việc bị cáo T chỉ đạo để ngoài sổ sách kế toán ngân sách xã, việc thu, chi các khoản chi này là không đúng quy định của pháp luật về quản lý ngân sách nhà nước, cũng như các nguyên tắc quản lý tài chính kế toán, bị cáo biết việc chi tiền cho cán bộ đi tham quan du lịch là không đúng nhưng vẫn giúp sức cho bị cáo T bằng việc viết phiếu chi, do đó đủ căn cứ xác định bị cáo đồng phạm với vai trò giúp sức cho bị cáo Nguyễn Văn T, Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo là đúng quy định, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không xuất trình được chứng cứ mới chứng minh cho nội dung kháng cáo của mình, vì vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Do đó, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[4] Về ý kiến của những người bào chữa:

Luật sư Đàm Quốc Cường cho rằng: Bị cáo Nguyễn Văn T không phạm tội theo điểm b khoản 2 Điều 356 Bộ luật Hình sự vì hành vi của bị cáo T là kéo dài, liên tục từ năm 2013 đến năm 2019 là không có căn cứ. Vì các lần chi tiền đều thể hiện bắt đầu từ việc chỉ đạo của bị cáo chi sau đó rút tiền từ kết do H quản lý chi và kết thúc là lập phiếu chi. Bị cáo T chỉ đạo chi sai nhiều lần. Các hành vi chi sai sau độc lập với lần chi sai trước, đối chiếu với Nghị quyết 03/2020/HĐTP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về “phạm tội hai lần trở lên” thấy hành vi của bị cáo T đủ căn cứ, đủ yếu tố cấu thành phạm tội hai lần trở lên.

Về khoản tiền chi thăm quan du lịch năm 2018: Bị cáo T không đi thăm quan, du lịch nhưng bị cáo chỉ đạo bị cáo H chi tiền, chỉ đạo bị cáo T lập phiếu chi. Việc chi 50.000.000 đồng gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước do đó bị cáo T phải chịu trách nhiệm về khoản tiền 50.000.000 đồng.

Trợ giúp viên Nguyễn Văn Thăng bào chữa cho bị T nhất trí với quan điểm của luật sư Cường đồng thời xác định cấp sơ thẩm xác định bị hại là UBND xã Y là không đúng, quan điểm này không có căn cứ chấp nhận bởi lẽ: Chợ Y được xếp loại là chợ loại 3 (theo Quyết định số: 350/QĐ-CT, ngày 08 tháng 4 năm 2013 của chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang), do đó việc thành lập ban quản lý chợ thuộc thẩm quyền của UBND huyện N, bị cáo T không đề nghị UBND huyện N thành lập ban quản lý chợ mà tự ký quyết định kiện toàn ban quản lý chợ. Ban quản lý chợ Y hiện tại do bị cáo ký các quyết định kiện toàn là trái quy định tại nghị định 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 và nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ; Đồng thời theo quy định tại Nghị quyết số 94/2006/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang, và khoản 4 Điều 1 nghị quyết số: 11/2013/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang thì khoản lệ phí này được nộp vào ngân sách cấp xã, do cấp xã quản lý khoản ngân sách này, do vậy cấp sơ thẩm xác định bị hại là UBND xã Y là phù hợp.

Trợ giúp viên Hoàng Văn Vũ: Cho rằng bị cáo Th không có chức vụ là không đúng vì tài liệu xác định bị cáo Th là thành viên ban quản lý chợ không có thời hạn. Bị cáo Th khai tại phiên tòa – năm 2018, 2019 bị cáo vẫn là thành viên ban quản lý chợ, phụ trách công tác kế toán. Năm 2018 lập phiếu chi khoản tiền 50.000.000 đồng là theo sự chỉ đạo của bị cáo T. Bị cáo Th giúp sức cho bị cáo T, bị cáo H gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước.

[5]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Không chấp nhận nội dung kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn T, Triệu Văn H, Lộc Văn Th; Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 03/2023/HS-ST ngày 09 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Tuyên Quang về phần hình phạt như sau:

+ Căn cứ: Điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 356; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 41; Điều 54 và Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 03 (Ba) năm 09 (Chín) tháng tù về tội Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (Ngày 22/3/2022). Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo quản lý trong cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị xã hội trong thời hạn 03 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

+ Căn cứ: Điểm b khoản 2 Điều 356; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Triệu Văn H 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù về tội Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Trừ cho bị cáo thời gian bị bắt tạm giam từ ngày 22/3/2022 đến ngày 29/8/2022.

+ Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 356; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 41; Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Lộc Văn Th 01 (Một) năm tù cho hưởng án treo về tội Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ, thử thách 02 (Hai) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện N, tỉnh Tuyên Quang quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Cấm bị cáo hành nghề Kế toán trong thời hạn 03 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo đã bị kiểm điểm theo quy định tại Điều 91 của Luật Thi hành án Hình sự nhưng sau khi kiểm điểm vẫn tiếp tục vi phạm và đã được nhắc nhở bằng văn bản mà vẫn cố ý vi phạm thì có thể bị Tòa án buộc phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Triệu Văn H, Lộc Văn Th mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 24/5/2023./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Phòng HSNV CA tỉnh TQ;
- Sở Tư pháp tỉnh TQ;
- TAND huyện N, tỉnh TQ;
- VKSND huyện N, tỉnh TQ;
- Công an huyện N, tỉnh TQ;
- Chi cục THADS huyện N;
- Bị cáo, bị hại;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ma Ngọc Trung